

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **62/2020/HNGĐ-ST**

Ngày 30/6/2020

V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn

2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bé Thu – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Dương Chí Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 168/2020/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020, về việc tranh chấp: “*Ly hôn*”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh L (Th), sinh năm 1993

Địa chỉ: khóm T, phường MT, thành phố LX, tỉnh G (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Võ Thành N, sinh năm 1991

Địa chỉ: khóm ĐT6, phường MP, thành phố LX, tỉnh G. (Có yêu cầu xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- *Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh L trình bày:* Chị và anh Võ Thành N tự quen biết vào năm 2010, tự nguyện đi đến hôn nhân vào đầu năm 2010, cả hai đều kết hôn lần thứ nhất, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MP vào ngày 13/11/2012.

Sau khi kết hôn sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn như bất đồng ý kiến, không hòa thuận thường xuyên cự cãi, gia đình không hạnh phúc, hai bên đã hàn gắn lại nhiều lần nhưng không thành, đã ly thân từ năm 2016 đến

nay. Vì tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Ánh L yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Ly hôn với anh Võ Thành N

+ *Về quan hệ con chung*: Có 02 (hai) con chung tên Võ Thành Đ, sinh ngày 06/12/2010 và Võ Kim A, sinh ngày 17/5/2012. Hiện hai cháu đang sống ổn định cùng với anh N và ông bà nội chăm sóc rất tốt nên sau khi ly hôn, chị đồng ý để anh N tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung và chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo khả năng.

+ *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Không có

- *Bị đơn anh Võ Thành N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày tại biên bản ghi lời khai do Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên lập ngày 12/6/2020 thể hiện nội dung*:

+ Về quan hệ hôn nhân anh thống nhất theo ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị Ánh L đối với hôn nhân do tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường MP ngày 13/11/2012, giữa hai bên phát sinh mâu thuẫn do tính tình của vợ chồng không phù hợp, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2016 cho đến nay và giữa anh với chị L đã sống ly thân hơn 4 năm nay. Anh N không yêu cầu Tòa án tạo điều kiện để cả hai hàn gắn tình cảm vì hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Nay, chị Ánh L gửi đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

+ Về quan hệ con chung: Có 02 (hai) con chung Võ Thành Đ, sinh ngày 06/12/2010 và Võ Kim A, sinh ngày 17/5/2012, hiện đang sống cùng với anh. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, hiện nay anh có đủ khả năng nuôi con nên không yêu cầu chị Ánh L cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và về nợ chung: Không có

Đồng thời, anh Võ Thành N có yêu cầu phiên tòa xét xử vắng mặt đối với anh do anh N đang bị bệnh.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; Bị đơn anh Võ Thành N có đơn xin vắng mặt không tham dự phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh L với anh Võ Thành N. Về quan hệ con chung cháu Võ Thành Đ, sinh ngày 06/12/2010 và cháu Võ Kim A, sinh ngày 17/5/2012. Hiện con chung đang được anh N nuôi dưỡng ổn định nên công nhận sự thỏa thuận của chị Ánh L và anh N sau khi ly hôn giao con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng và anh N không có yêu cầu

cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của vị Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Võ Thành N có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của anh N là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn anh Võ Thành N.

[2] *Về thẩm quyền*: Chị Nguyễn Thị Ánh L khởi kiện xin ly hôn với anh Võ Thành N đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Ánh L có ý kiến về quan hệ hôn nhân giữa chị và anh Võ Thành N tự quen biết vào năm 2010, cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân và anh chị có đăng ký kết hôn ngày 13/11/2012 tại Ủy ban nhân dân phường MP. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay.

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án nhân thành phố Long Xuyên tiến hành lập biên bản lấy lời khai của anh Võ Thành N thể hiện nội dung về quan hệ hôn nhân anh N thống nhất với ý kiến trình bày của chị Ánh L về thời gian kết hôn cũng như về thời gian vợ chồng sống ly thân, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không phù hợp. Chị Ánh L xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn và anh N không yêu cầu tòa án hòa giải hàn gắn.

[3.2] Hội đồng xét xử nhận thấy, trong cuộc sống hôn nhân phải trên cơ sở tự nguyện chị Ánh L và anh N thống nhất ly hôn, hôn nhân giữa chị Ánh L với anh N không còn tồn tại trên thực tế từ năm 2016 cho đến nay, giữa vợ chồng không còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ với nhau, cũng như không có giải pháp nhằm hàn gắn, duy trì cuộc hôn nhân. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh L và anh Võ Thành N.

[4] *Về con chung*: Nguyên đơn chị Ánh L và anh N thống nhất vợ chồng chung sống với nhau có 02 (hai) con chung tên Võ Thành Đ, sinh ngày 06/12/2010 và Võ Kim A, sinh ngày 17/5/2012, hiện đang sống cùng với anh N. Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Đ và cháu Kim A chưa thành niên và đang được anh N chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp, cuộc sống của các cháu đã ổn định. Giữa chị Ánh L, anh N thống nhất được việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung là chính

đáng và phù hợp với nguyện vọng của con chung cháu Đ và cháu Kim A mong muốn sống cùng với cha theo biên bản ghi ý kiến ngày 11/3/2020 do Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên lập nên có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận sau khi ly hôn giao con chung cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng. Đối với việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, chị Ánh L không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định, tuy nhiên anh N xác định không yêu cầu chị Ánh L phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Chị Ánh L, anh N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Ánh L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 143; khoản 1 Điều 146; khoản 4 Điều 147; Điều 186; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 232; điểm b khoản 1 Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh L đối với anh Võ Thành N

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ánh L với anh Võ Thành N

2. *Về nuôi con chung*:

2.1. Sau khi ly hôn giao con chung cháu Võ Thành Đ, sinh ngày 06/12/2010 và cháu Võ Kim A, sinh ngày 17/5/2012 cho anh Võ Thành N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Chị Nguyễn Thị Ánh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh N không có yêu cầu.

2.3. Anh N phải tạo điều kiện cho chị Ánh L trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Việc cấp dưỡng và nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có

4. *Về án phí sơ thẩm:*

4.1. Chị Nguyễn Thị Ánh L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000855 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên ngày 11/3/2020. Chị Ánh L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.2. Anh Võ Thành N không phải nộp tiền án phí sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ánh L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng, anh Võ Thành N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự “ Để thi hành”;
- VKSND.TPLX;
- TAND.An Giang;
- UBND phường nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: hồ sơ;VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Ngọc Thúy

